

Số: 123 /KH-UBND

Lộc Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

Thực hiện Công văn số 1410/SKHĐT-THQH ngày 14/8/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2019 và ước thực hiện năm 2020, UBND huyện Lộc Ninh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, cụ thể như sau:

**PHẦN THỨ I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020**

I. Bối cảnh bước vào thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và cũng là năm phấn đấu, nỗ lực để đạt kết quả cao nhất về mục tiêu tăng trưởng của giai đoạn 2016-2020. Huyện Lộc Ninh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 trong điều kiện có những khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen. Bên cạnh những thuận lợi như kinh tế tiếp tục phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý và đúng định hướng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khá; các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện tốt; chất lượng dạy và học tại các cơ sở giáo dục ngày một nâng lên; việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững thì huyện Lộc Ninh vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp; giá các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện liên tục giảm, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống nhân dân.

II. Kết quả đạt được và hạn chế, yếu kém

1. Về lĩnh vực kinh tế: Về tổng giá trị sản xuất trên địa bàn một số ngành chủ yếu (theo giá cố định năm 2010): nông – lâm nghiệp – thủy sản ước đạt 6.307 tỷ đồng; công nghiệp – xây dựng ước đạt 1.873 tỷ đồng; thương mại – dịch vụ ước đạt 1.530 tỷ đồng.

1.1. Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

a) Trồng trọt, bảo vệ thực vật

Trong những tháng đầu năm 2020, hạn hán xảy ra gay gắt ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, bên cạnh đó giá hồ tiêu xuống thấp so với những năm trước nên người dân ít đầu tư, chăm sóc. Tổng diện tích gieo trồng 06 tháng đầu năm 2020 ước thực hiện 49.489,97 ha, đạt 88,04% so kế hoạch giao, tăng 1,2% so cùng kỳ 2019 (+632,27 ha). Trong đó: tổng diện tích cây hàng năm 3.132,86 ha, đạt 31% so kế hoạch, giảm 12% so cùng kỳ 2019 (-433,1 ha), nguyên nhân giảm do đầu mùa mưa, lượng mưa thấp, đất chưa đủ ẩm, nên nhân dân chậm xuống giống; tổng diện tích cây lâu năm ước thực hiện 46.357,11 ha, đạt 100,5% kế hoạch, tăng 1.066 ha so cùng kỳ 2019, tăng chủ yếu ở cây cao su, cây ăn quả.

Tổng diện tích cây trồng bị sâu bệnh hại 799,3 ha, giảm 2.765,8 ha so cùng kỳ 2019. Các cơ quan chuyên môn ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thường xuyên theo dõi, nắm tình hình sâu bệnh hại trên các cây trồng chính, thường xuyên phổ biến tuyên truyền cho người dân về các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại trên cây trồng theo quy định; hướng dẫn Nhân dân xuống giống đồng loạt, đúng thời vụ và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại trên cây trồng sau thu hoạch.

b) Chăn nuôi, thú y

Theo số liệu điều tra của ngành nông nghiệp, trên địa bàn huyện tổng đàn heo có 334.466 con, đạt 141,83% so kế hoạch, tăng 23% so cùng kỳ năm 2019 (+62.747 con); tổng đàn trâu có 2.829 con, đạt 125% kế hoạch, tăng 31,03% so cùng kỳ năm 2019 (+670 con); tổng đàn bò có 8.960 con, đạt 97,8% kế hoạch, tăng 2,03% so cùng kỳ năm 2019 (+178 con); tổng đàn gia cầm có 533.860 con, tăng 12,6 % so cùng kỳ năm 2019 (+474.250 con); ngoài ra, chăn nuôi dê cũng phát triển mạnh, tổng đàn dê là 76.725 con, tăng 34,35% so cùng kỳ 2019 (+19.615 con).

Trong những tháng đầu năm, xảy ra một số dịch bệnh trên gia súc, trong đó trâu, bò mắc một số bệnh thông thường, bệnh lở mồm long móng, ngành nông nghiệp đã tiến hành theo dõi, chăm sóc và điều trị khỏi bệnh; xảy ra 1 ổ dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại xã Lộc Tấn, đã tiêu hủy 107 con/5.412,8 kg; đồng thời, phát hiện 33 con lợn nhiễm bệnh lở mồm long móng tại xã Lộc Thạnh, đã tiến hành tiêu hủy 33 con/3.344 kg lợn nhiễm bệnh theo quy định. Đã tổ chức tiêm phòng đại thường xuyên cho chó, mèo 600 liều; tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng trâu, bò là 3.875 liều; kiểm soát giết mổ kiểm tra vệ sinh thú y được 14.058 con lợn giảm 2,77% so cùng kỳ năm 2019 (- 401 con); tổ chức kiểm tra 524 lượt hộ kinh doanh động vật, sản phẩm động vật tại 11 chợ. Ban hành quyết định công bố hết dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đối với 15/15 xã, thị trấn.

c) Khuyến nông, đào tạo nghề nông thôn

Tiếp tục Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh và Công ty gia vị Nedspice triển khai thực hiện dự án chuỗi cung ứng hồ tiêu bền vững. Kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ các hộ trồng tiêu; thanh tra chứng nhận các hộ sản xuất đạt tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp bền vững. Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ dân tham gia dự án thực hiện tốt các tiêu chí đề ra. Hướng dẫn nông dân kỹ thuật thu hoạch, bảo quản hồ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm. Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh triển khai mô hình tiêu an toàn, hiệu quả tại xã Lộc Hiệp; tư vấn kỹ thuật trồng trọt cho người dân được 145 lượt người. Theo dõi tình hình hoạt động ngành nghề

nông thôn, rà soát nhu cầu đào tạo nghề và đề xuất nhu cầu học nghề nông nghiệp của huyện.

d) Lâm nghiệp

Tập trung triển khai thực hiện tốt kế hoạch, công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng vào mùa khô năm 2019-2020. Triển khai, đôn đốc, hướng dẫn các chủ rừng và UBND các xã tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, phá rừng, khai thác rừng trái phép tại các vùng trọng điểm, chủ yếu tập trung tại khu vực rừng di tích lịch sử Tà Thiết. Tăng cường công tác quản lý cơ sở chế biến gỗ và quản lý lâm sản theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT và kiểm tra các cơ sở nuôi động vật hoang dã; kiểm tra, kiểm soát lâm sản qua đường tiểu ngạch.

e) Thủy lợi; công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

Tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện trong mùa khô hạn, trước mùa mưa lũ nhằm có kế hoạch đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân. Tính đến ngày 07/4/2020 có 339 hộ thiếu nước sinh hoạt; 81,2 ha cây trồng bị thiếu nước tưới. UBND huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp & PTNT phối hợp UBND các xã tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực nạo vét giếng hiện có hoặc đào giếng mới đảm bảo nguồn nước sạch, có biện pháp làm giàn che nắng, ủ gốc cho cây trồng; đồng thời phối hợp với Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh vận chuyển nước sinh hoạt cấp cho 314 hộ dân/1.258 khẩu tại các xã Lộc Khánh, Lộc Hưng, Lộc Thành, thị trấn Lộc Ninh, Lộc Thiện.

Ban hành Quyết định giao chỉ tiêu thu lập quỹ phòng chống thiên tai năm 2020 cho các ngành, các xã theo quy định; rà soát, xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã; phân công lịch trực; tổ chức tổng kết công tác PCTT & TKCN năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020. Tính đến ngày 30/5, gió lốc làm sập 02 căn nhà ở xã Lộc Hòa, Lộc Hiệp; tốc mái 04 căn nhà ở xã Lộc Hiệp và làm đổ ngã 5.236 nọc tiêu, 200 cây điều, 257 cây cao su của 10 hộ dân xã Lộc An, Lộc Điền, Lộc Hiệp, Lộc Phú. UBND huyện đã chỉ đạo các ngành chuyên môn chi hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định. Tổ chức khảo sát và xây cống thoát lũ khu vực cánh đồng Tư Mỹ - ấp 1 xã Lộc Hưng tránh gây ngập lụt cho các hộ dân ở phía thượng lưu.

1.2. Về Tài chính – Tín dụng:

Tài chính: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện ước thực hiện 643 tỷ đồng, đạt 240,8% so với thực hiện năm 2019. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện 1.523 tỷ đồng, đạt 148,4% so với thực hiện năm 2019

Tín dụng: Hoạt động của các Ngân hàng và tổ chức tín dụng trên địa bàn ổn định, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân. Tổng nguồn vốn huy động tại chỗ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện tính đến ngày 31/5/2020 là 2.624 tỷ đồng, đạt 109,74% so với cùng kỳ năm 2019 (tăng 233 tỷ đồng); tổng doanh số cho vay là 2.600,414 tỷ đồng, đạt 141,183% so với cùng kỳ năm 2019 (tăng 758,549 tỷ đồng); tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng là 4.697,516 tỷ đồng, đạt 106,53% so với cùng kỳ năm 2019 (tăng 288,362 tỷ đồng); nợ quá hạn, nợ xấu là 23,18 tỷ đồng, chiếm 0,493% trên tổng dư nợ.

1.3. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, quản lý thị trường, giao thông vận tải

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện (tính theo giá cố định năm 2010) ước đạt 18,21 tỷ đồng, đạt 54,63 so với kế hoạch, tăng 107,12% so với cùng kỳ 2019. Giá trị doanh thu vận tải ngoài quốc doanh (giá cố định năm 2010) đạt 17,22 tỷ đồng, đạt 47,26 % so với kế hoạch, tăng 102% so với cùng kỳ 2019. Số hộ có điện sinh hoạt là 30.901/31.490 hộ, tỷ lệ đạt 98,13%. Đã thực hiện đầu tư điện lưới các xã Lộc An, Lộc Thuận, Lộc Thiện, Lộc Điền với tổng chiều dài khoảng 17km. Đầu tư đèn đường theo Đề án điện chiếu sáng nông thôn với chiều dài là 40km tại các xã: Lộc Thanh, Lộc Tấn, Lộc Hiệp, Lộc Thuận, Lộc Thành, Lộc Thiện. Đang triển khai đường điện KDC đường Nguyễn Huệ và tổ 4 KP Ninh Thái, TT Lộc Ninh. Phối hợp với Sở Công thương và các cơ quan liên quan đi khảo sát vị trí đường dây của dự án Điện Năng Lượng mặt trời. Tiến hành giải tỏa hành lang an toàn để đóng điện vào sử dụng công trình điện thuộc dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Bình Phước sử dụng nguồn vốn ngân sách TW giai đoạn 2013- 2020. Hệ thống giao thông cầu đường, biển báo hiệu giao thông các loại luôn được đảm bảo nhằm phục vụ an toàn cho người tham gia giao thông. Dịch vụ vận tải hành khách thực hiện giá cước theo đúng quy định, luôn tổ chức phương tiện vận tải dự phòng để sẵn sàng sang tải khi phát hiện xe vận tải hành khách chở quá số người quy định.

Tình hình giá cả hàng hóa trên thị trường tương đối ổn định, lượng cung cầu hàng hóa đủ cung cấp phục vụ người dân, không có tình trạng găm hàng tăng giá quá mức, các cơ sở kinh doanh thực hiện việc niêm yết giá đúng quy định pháp luật.

1.4. Về chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 đối với 03 xã Lộc Điền, Lộc Thiện, Lộc Thuận theo quy định; tổ chức tổng kết chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020. Phê duyệt đề án điều chỉnh xây dựng nông thôn mới xã Lộc An, huyện Lộc Ninh (giai đoạn 2016-2020); triển khai các bước thực hiện dự án hỗ trợ Đề án về mô hình bảo vệ môi trường xã Lộc An (từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới trung ương) trình UBND tỉnh xem xét. Triển khai xây dựng phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình giảm nghèo bền vững năm 2020 tại 02 xã Lộc Khánh và Lộc An. Đã cấp phát 6.729 tấn xi măng hoàn thành được 30 km đường bê tông xi măng cho các xã, thị trấn để làm đường giao thông nông thôn theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để phấn đấu hoàn thành các tiêu chí theo kế hoạch, đặc biệt là 02 xã dự kiến về đích năm 2020: Lộc Thiện, Lộc An. Các xã Lộc Hưng, Lộc Tấn, Lộc Thanh, Lộc Điền, Lộc Thuận, Lộc Thiện tiếp tục thực hiện để giữ vững và nâng cao các tiêu chí; xã Lộc Thái, Lộc Hiệp tiếp tục triển khai thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo kế hoạch; các xã còn lại đạt từ 10-15 tiêu chí (Xã Lộc Thiện, Lộc An 15/19; xã Lộc Quang 14/19 tiêu chí; xã Lộc Khánh 13/19; xã Lộc Hòa 11/19; xã Lộc Phú, Lộc Thành 10/19). Trung bình đạt 16 tiêu chí/xã.

1.5. Hợp tác xã, kinh tế trang trại

Năm 2020 có 29 hợp tác xã (HTX) đi vào hoạt động, trong đó thành lập mới 04 (HTX) nông nghiệp gồm: HTX công nghệ cao Lộc Hưng, HTX Lộc Quang, HTX nông nghiệp chất lượng cao Lộc Khánh, HTX nông nghiệp - thương mại – dịch vụ Lộc An. Tiếp tục theo dõi tình hình hoạt động của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác và hướng dẫn về kỹ thuật sản xuất cho các Hợp tác xã và Tổ hợp tác để ứng dụng vào thực tiễn nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Đánh giá xếp loại các Hợp tác xã nông nghiệp theo Thông tư 09/2017/TT-BNNPTNT trên địa bàn huyện: Số Hợp tác xã thực hiện đánh giá là 18/24 Hợp tác xã (số Hợp tác xã xếp loại khá là 8/18 chiếm 44,4%, số Hợp tác xã xếp loại trung bình 10/18 chiếm 55,6%). Cấp 02 giấy chứng nhận kinh tế trang trại thuộc lĩnh vực trồng trọt; hướng dẫn trang trại thực hiện đúng các quy định của ngành và hướng dẫn kỹ thuật cho các trang trại.

1.6. Tài nguyên, môi trường

UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Lộc Ninh trình UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời, tiến hành kiểm kê đất đai năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm, đã xem xét quyết định giao đất cho 147 trường hợp sử dụng đất đối với diện tích đất lâm phần được giao về địa phương quản lý sau quy hoạch 03 loại rừng; công nhận quyền sử dụng đất cho 66 trường hợp đang sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở cho 404 trường hợp.

Xây dựng Kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện và xác nhận 04 Kế hoạch bảo vệ môi trường cho các cơ sở hoạt động trên địa bàn. Đồng thời, giải quyết 01 đơn kiến nghị, 01 đơn khiếu nại trong lĩnh vực đất đai.

2. Về lĩnh vực văn hóa – xã hội

2.1. Về giáo dục – đào tạo:

Sau Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, ngành Giáo dục và Đào tạo cho học sinh nghỉ học để phòng chống dịch Covid-19. Trong thời gian nghỉ học, đã chỉ đạo các trường thường xuyên và chủ động tổ chức trực trường, thực hiện vệ sinh lớp học, đồng thời phối hợp với ngành Y tế phun thuốc khử trùng 100% các trường học trên địa bàn; tổ chức hướng dẫn cho học sinh ôn tập kiến thức ở nhà bằng nhiều hình thức như: học trực tuyến qua internet, qua truyền hình, giao bài qua website hoặc cha mẹ học sinh đến nhận....Các hoạt động của ngành GD&ĐT chủ yếu tập trung vào tháng 01/2020, từ tháng 2 đến ngày 03/5/2020 học sinh trên địa bàn huyện được nghỉ học phòng, chống dịch Covid-19. Từ ngày 04/5/2020, các em học sinh tập trung đi học trở lại. Do đó, trong 6 tháng đầu năm 2020, UBND huyện chỉ đạo ngành GD&ĐT tập trung thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, bên cạnh đó đã tổ chức thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện, kết quả công nhận 116 em học sinh giỏi năm học 2019 – 2020 và thành lập đội tuyển bồi dưỡng tham gia thi cấp tỉnh. Tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng học sinh phổ thông, năm học 2019-2020 và hoàn thiện hồ sơ dự thi cấp tỉnh nộp Sở GD&ĐT. Tổng hợp và thống kê báo cáo sơ kết học kỳ I: Tiểu học không có học sinh bỏ học. THCS có 16 em bỏ học tỉ lệ 0,2%. Huyện tiếp tục duy trì 16/16 xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; 16/16 xã đạt chuẩn PCTHCS (03/16 đạt mức độ 1, 10/16 đạt mức độ 2; 03/16 đạt mức độ 3) và 16/16 xã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. Ngoài ra, UBND huyện luôn quan tâm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (CSVC), mua sắm

thiết bị dạy học, tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện tự đánh giá từng bước tiến tới xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia. Hiện nay, Trường TH Lộc Tấn B đang xây dựng các hạng mục CSVC còn thiếu và hoàn chỉnh hồ sơ đăng kí đánh giá ngoài để được công nhận đạt chuẩn trong năm 2020; Trường TH TT Lộc Ninh A, TH Lộc Hiệp đã gửi hồ sơ đăng kí đánh giá ngoài để công nhận lại đạt chuẩn và hiện đang chờ kết quả của Đoàn đánh giá tỉnh. Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư xây dựng trường chuẩn trong giai đoạn 2020 – 2025; Kế hoạch xóa bỏ điểm lẻ năm 2020-2021.

2.2. Văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá được tăng cường, nhất là trong dịp Lễ, Tết đã góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương, phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện lần XI, nhiệm kỳ 2020-2025; các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến với các tầng lớp Nhân dân trong huyện. Các hoạt động Văn hóa, Văn nghệ, Thể dục - Thể thao chào mừng các ngày Lễ lớn; Mừng Đảng - Mừng Xuân, được tổ chức khá phong phú và sôi nổi từ huyện đến cơ sở.

Phối hợp với Thư viện tỉnh thực hiện triển lãm sách chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, luân chuyển 826 đầu sách, thu hút hơn 350 lượt độc giả tham quan.

Trong kỳ, Đội kiểm tra liên ngành Văn hóa - xã hội huyện đã thường xuyên tổ chức kiểm tra trên lĩnh vực văn hóa và thông tin, nhắc nhở các cơ sở hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, UBND huyện đã ban hành văn bản yêu cầu các cơ sở kinh doanh lĩnh vực không thiết yếu trên lĩnh vực văn hóa và thông tin tạm ngưng hoạt động. Qua kiểm tra, hầu hết các cơ sở đều chấp hành nghiêm việc phòng, chống dịch Covid-19.

2.3. Y tế - Dân số KHHGD

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được quan tâm. Công tác khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã đã nâng dần về chất lượng, nhất là những trạm y tế có bác sỹ. Tỷ lệ bệnh nhân được điều trị bằng phương pháp y học cổ truyền và điều trị kết hợp đông tây y được tăng lên. Chất lượng công tác khám chữa bệnh cho người bệnh BHYT được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Triển khai áp dụng những kỹ thuật mới trong điều trị, phẫu thuật, cấp cứu nhiều cas bệnh hiểm nghèo đạt kết quả tốt, hạn chế tối đa chuyển viện. Tổng số lần khám cho bệnh nhân là 69.882 cas đạt 31,1% so với KH, giảm 14,6% so với cùng kỳ. Trong đó bệnh nhân có bảo hiểm y tế là 36.842 cas, giảm 30,7% so với cùng kỳ. Tổng số bệnh nhân sốt rét phát hiện và điều trị 03 cas, giảm 81,3% so với cùng kỳ.

Công tác vệ sinh phòng dịch, chăm sóc sức khỏe sinh sản, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình được phối hợp thực hiện tốt. Vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo. Chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai tốt công tác giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, tiến hành thực hiện nhiều đợt kiểm tra, thanh tra trong dịp Tết Nguyên đán đối với 15 cơ sở. Triển khai các hoạt động thanh, kiểm tra trong Tháng hành động Vệ sinh an toàn thực phẩm; tổng số được kiểm tra: 09 cơ sở (trong đó sản xuất: 08 cơ sở, kinh doanh: 01 cơ sở); Kết quả đạt: 05 cơ sở; Số cơ sở nhắc nhở: 02 cơ sở; Cơ sở không đạt: 02 cơ sở. Chuyển hồ sơ sang Công an xử lý: 02 cơ sở.

Tỷ lệ bao phủ BHYT ước thực hiện năm 2020 đạt 84,5%. Công tác tiêm chủng được triển khai đầy đủ, sử dụng vắc xin rõ nguồn gốc, bảo đảm tiêm chủng an toàn, không xảy ra tai biến.

*** Đối với công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19:**

UBND huyện đã quyết liệt, chủ động ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết các tình huống trên cơ sở các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế, UBND tỉnh. Huy động mọi nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư đảm bảo tối đa lực lượng để phối hợp với UBND cấp xã, các ngành chức năng triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh kịp thời ngay từ cơ sở. Chỉ đạo tổ chức phun thuốc khử khuẩn bề mặt tại những nơi tập trung đông người: phun khử trùng định kỳ tại Trung tâm Y tế và 16/16 trạm y tế; thực hiện phun khử trùng 02 lần tại 68/68 trường ở các bậc học. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh từ huyện đến cơ sở về tình hình, diễn biến dịch, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tối thiểu 02 lần/ ngày (mỗi buổi 15 phút); tuyên truyền cổ động trên các tuyến đường bằng xe lưu động hàng ngày. Ngoài ra, UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc việc treo trên 400 băng – rôn; 32.200 tờ rơi tuyên truyền, 21 đĩa CD về công tác phòng, chống dịch. Tính đến ngày 31/5/2020 trên địa bàn huyện đã thực hiện cách ly y tế đối với 530 trường hợp. Hiện tại trên địa bàn huyện và tại Khu cách ly tập trung của huyện chưa phát hiện trường hợp dương tính với vi rút Corona.

2.4. Lao động - việc làm, an sinh xã hội

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn năm 2020. Chỉ đạo các ban, ngành có liên quan phối hợp thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn huyện năm 2020, thông báo tuyển thực tập sinh hộ lý đi thực tập tại Nhật Bản - Khóa 1 năm 2020; ngoài ra còn phối hợp Công ty TNHH SHY ANG YING tổ chức thông báo tuyển dụng lao động. Kết quả xuất khẩu lao động trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2020 như sau: 04 lao động đã trúng tuyển và đi làm việc có thời hạn tại Nhật Bản.

Tính đến ngày 31/5/2020, trên địa bàn huyện đã giải quyết việc làm mới cho 2.343 lao động, đạt 59% kế hoạch giao (4.000 lao động); mở 02 lớp đào tạo nghề cho 70 lao động nông thôn tại xã Lộc Thiện và Trung tâm GDNV-GDTX huyện; đăng ký cho 01 lao động học tiếng Hàn Quốc tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài đã ảnh hưởng đến đời sống của người dân trên địa bàn huyện, đặc biệt các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các biện pháp hỗ trợ, thực hiện công tác hỗ trợ, chi trả cho các đối tượng quy định Nghị quyết số 42 do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 và Kế hoạch chi hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội. Kết quả UBND huyện đã phê duyệt danh sách hỗ trợ cho các đối tượng, cụ thể: 185 người bán vé số ở 16/16 xã, thị trấn với tổng số tiền 203.500.000 đồng; 3.640 đối tượng thuộc hộ nghèo với số tiền 2.730.000.000 đồng; 3.889 đối tượng thuộc hộ cận nghèo với số tiền 2.916.750.000 đồng; 2.774 đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền 4.161.000.000 đồng; 631 đối tượng người có công và thân nhân người có công với số tiền 946.500.000 đồng.

Công tác giải quyết các chế độ chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, đúng theo quy định của Nhà nước. Trong 6 tháng đầu năm, đã tập trung giải quyết các chế độ trợ cấp hàng tháng và trợ cấp một lần đối với các trường hợp được thụ hưởng theo quy định. Trong dịp Tết Nguyên đán 2020, UBND huyện đã tập trung thực hiện cấp quà của Trung ương, của tỉnh theo đúng quy định và triển khai kế hoạch vận động, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, người có công, đối tượng Bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán 2020 đã vận động và trao tặng quà cho 11.468 đối tượng với tổng số tiền 4.062.500.000 đồng (*Bốn tỉ không trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Nhằm hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em năm 2020, huyện đã trao tặng 110 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có học lực khá, giỏi (60 suất cho học sinh tiểu học; 50 suất cho học sinh THCS); 50 phần quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (mỗi suất trị giá 200.000 đồng). Mua thẻ bảo hiểm y tế cho 360 em học sinh người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, với tổng số tiền 118.072.000 đồng.

2.5. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo trên địa bàn huyện nhìn chung ổn định, đồng bào các dân tộc thiểu số và đồng bào có đạo chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước. Công tác quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc, tôn giáo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, đã thực hiện tốt công tác thăm hỏi, động viên, tặng quà các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc nhân dịp Tết nguyên đán. Tổ chức họp mặt, chúc tết Già làng tiêu biểu và Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 và Hội nghị tổng kết công tác Dân tộc – Tôn giáo năm 2019 và triển khai kế hoạch công tác năm 2020. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan, UBND các xã thực hiện giải quyết những tồn tại thuộc các chương trình, dự án Quyết định số 134, Quyết định số 1592 và Quyết định số 33 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức thăm hỏi và chúc mừng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo huyện nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2564 - Dương lịch năm 2020, Tết Chol Chnăm Thmây của đồng bào dân tộc Khmer. Qua công tác nắm tình hình từ cơ sở, Lễ Phật đản năm 2020 các cơ sở tôn giáo không tổ chức quy mô mà chỉ tổ chức Đại lễ trong nội bộ nhà chùa. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, không có vụ việc phức tạp phát sinh trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn giải quyết kịp thời những vụ việc phát sinh trên địa bàn huyện.

3. Lĩnh vực Nội chính

3.1. Công tác Nội vụ:

Ban hành Quyết định thành lập, kiện toàn 05 Ban Chỉ đạo, Hội đồng phúc tra thuộc các lĩnh vực; Quyết định giao chỉ tiêu biên chế đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp thuộc UBND huyện; tuyển dụng đặc cách đối với giáo viên đã hợp đồng lao động và đóng BHXH từ năm

2015 trở về trước; thống nhất nhân sự điều động công an chính quy giữ chức vụ Trưởng, phó trưởng Công an các xã, thị trấn; miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND xã Lộc Hòa, Lộc Thiện, Lộc An, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND xã Lộc Thuận; phê chuẩn chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã Lộc Thuận; Chủ tịch UBND Lộc An, Lộc Thiện;

3.2. Công tác cải cách hành chính:

Xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện; kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính; kế hoạch kiểm tra việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; triển khai các văn bản về công tác cải cách hành chính. Tiếp tục triển khai kế hoạch đưa Hệ thống một cửa điện tử liên thông từ xã, huyện, tỉnh và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện; phòng hội nghị trực tuyến tại huyện và 16 xã, thị trấn; thực hiện ứng dụng dịch vụ chữ ký số, chứng thư số trong gửi, nhận văn bản điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH ở địa phương.

3.3. Về công tác tư pháp, hộ tịch:

Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính; theo dõi thi hành pháp luật, bồi thường Nhà nước; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được chú trọng triển khai thực hiện. Trong 06 tháng đầu năm đã tiếp nhận và thụ lý hòa giải: 55 vụ, hòa giải thành: 16 vụ, chuyển cơ quan có thẩm quyền: 06 vụ, đang tiến hành hòa giải 33 vụ. Đăng ký khai sinh: 1.628 trường hợp (Nữ: 751; Nam: 877); đăng ký lại khai sinh là 372 trường hợp; đăng ký khai tử là 315 trường hợp; đăng ký kết hôn là 403 cặp (KH lần 2: 62 cặp); Nhận cha, mẹ, con là 13 trường hợp; Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là 1.075 trường hợp; Thay đổi, cải chính, điều chỉnh và bổ sung hộ tịch là 319 trường hợp; thay đổi, cải chính, điều chỉnh và bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc trong bản chính giấy khai sinh là 88 trường hợp; cấp bản sao các việc hộ tịch là 199 trường hợp. Thu phí, lệ phí là 20.577.000 đồng. Đã thực hiện được 4.142 việc về chứng thực các hợp đồng, giao dịch, chữ ký trong các giấy tờ, chữ ký của người dịch và 18.976 trường hợp chứng thực bản sao từ bản chính. Thu phí: 192.309.000 đồng (trong đó: Phòng Tư pháp thu 543.000 đồng; UBND các xã thị trấn thu: 191.766.000 đồng).

4. Quốc phòng, an ninh

Tình hình ngoại biên, biên giới, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định; triển khai thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả các đề án và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương 06 tháng đầu năm 2020; duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực tác chiến, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, đặc biệt trong các ngày cao điểm; tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên, đúng, đủ thời gian, chương trình, thành phần quân số theo quy định. Chủ động nắm tình hình ngoại biên, biên giới, ranh giới và nội địa, kịp thời xử lý các vụ việc xảy ra, không để bị động bất ngờ; hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tuần tra truy quét, phòng, chống tội phạm trên tuyến biên giới, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tổ chức lễ giao, nhận quân năm 2020, kết quả tuyển chọn 153/153 thanh niên nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu, trong đó có 03 Đảng viên đạt 1,96%; trình độ Cao đẳng, Đại học 10 thanh niên đạt 6,5%.

lượng mặt trời thấp sáng vùng biên” nhằm góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Trên đây là tình hình ước thực hiện kế hoạch năm 2020 và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 của huyện Lộc Ninh.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT HU, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Các phòng chuyên môn thuộc huyện;
- Chi cục Thống kê huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

K. CHỦ TỊCH *Trần*



PHÓ CHỦ TỊCH

Khánh
Hồ Quang Khánh



Biểu số 1

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
1	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn của một số ngành chủ yếu (theo giá 2010)	Tỷ đồng	7.730	4.800	8.180	105,82%	9.135	190,31%	111,67%
	Trong đó:								
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	6.048	3.989	6.307	104,28%	6.450	161,69%	102,27%
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	1.429	688	1.593	111,48%	1.950	283,43%	122,41%
	+ Công nghiệp	Tỷ đồng	253	123	280	110,67%	735	597,56%	262,50%
2	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn của một số ngành chủ yếu (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	7.828	5.900	8.870	113,31%	9.839	166,76%	110,92%
	Trong đó:								
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	6.250	3.900	6.600	105,60%	6.901	176,95%	104,56%
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	1.230	1.500	1.700	138,21%	1.938	129,20%	114,00%
	+ Công nghiệp	Tỷ đồng	348	500	570	163,79%	1.000	200,00%	175,44%
3	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	1.636	2.000	2.185	133,56%	2.155	107,75%	98,63%
	+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1.636	2.000	2.185	133,56%	2.155	107,75%	98,63%
	+ Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng							
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	267	227	643	240,82%	750	330,40%	116,64%
5	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	1.026	804	1.523	148,44%	1.600	199,00%	105,06%
6	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	3	2	2	66,67%	2	100,00%	100,00%



Biểu số 2

Huyện Lộc Ninh

CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá cố định 2010)	Tỷ đồng	6.777,7	7.515,0	7.529,8	111,1%	8.448,0	112,4%	112,2%
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	6.764,0	7.498,0	7.516,0	111,1%	8.434,0	112,5%	112,2%
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	5.467,0	5.985,0	6.074,0	111,1%	6.747,0	112,7%	111,1%
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	1.297,0	1.513,0	1.442,0	111,2%	1.687,0	111,5%	117,0%
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	2,0	3,0	1,8	90,0%	2,0	66,7%	111,1%
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	11,7	14,0	12,0	102,6%	12,0	85,7%	100,0%
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	11,7	13,0	12,0	102,6%	12,0	92,3%	100,0%
	- Khai thác	Tỷ đồng							
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu								
a)	Lúa cả năm:								
	- Năng suất	Tạ/ha	33,1	33,0	33,2	100,3%	33,2	100,6%	100,0%
	- Sản lượng	Tấn	14.593,0	15.600,0	14.805,0	101,5%	14.800	94,9%	100,0%
b)	Ngô:								
	- Năng suất	Tạ/ha	37,6	37,5	37,8	100,5%	38,0	101,3%	100,5%
	- Sản lượng	Tấn	8.052,0	9.600,0	8.150,0	101,2%	8.200	85,4%	100,6%
c)	Đậu tương:								
	- Năng suất	Tạ/ha	7,2	7,2	7,3	100,7%	7,3	101,4%	100,7%
	- Sản lượng	Tấn	0,7	4,0	1,2	166,7%	1,2	30,0%	100,0%
d)	Mía:								
	- Năng suất	Tạ/ha	412,7	260,0	412,0	99,8%	412	158,5%	100,0%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
	- Sản lượng	Tấn	1.891,0	950,0	1.895,0	100,2%	1.895	199,5%	100,0%
									
2.2	Cây lâu năm								
	Cây công nghiệp								
a	Cao su								
	- Năng suất	Tấn	19,55	21,0	19,6	100,2%	19,6	93,2%	100,0%
	- Sản lượng	ha	53.902	51.000,0	53.900,0	100,0%	53.920	105,7%	100,0%
b	Điều								
	- Năng suất	Tấn	9,37	11,0	9,7	103,5%	9,8	89,1%	101,0%
	- Sản lượng	ha	3.111	4.500,0	3.115,0	100,1%	3.125	69,4%	100,3%
c	Hồ tiêu								
	- Năng suất	Tấn	20,59	28,0	26,5	128,7%	27	95,4%	100,8%
	- Sản lượng	ha	11.195	11.100,0	12.803,0	114,4%	13.339	120,2%	104,2%
d	Cà phê								
	- Năng suất	Tấn	20,74	20,7	20,7	100,0%	20,74	100,2%	100,0%
	- Sản lượng	ha	473	950,0	473,0	100,0%	473	49,8%	100,0%
e	Ca cao								
	- Năng suất	Tấn	51,43	65,0	51,5	100,1%	51,5	79,2%	100,0%
	- Sản lượng	ha	18,0	65,0	18,0	100,0%	18	27,7%	100,0%
	Cây ăn quả								
a	Sầu riêng								
	- Năng suất	Tấn	80,74	150,0	80,8	100,0%	80,9	53,9%	100,2%
	- Sản lượng	ha	1.379,0	1.800,0	1.380,0	100,1%	1.381	76,7%	100,1%
b	Quýt								
	- Năng suất	Tấn	112,50	117,0	112,5	100,0%	112,5	96,2%	100,0%
	- Sản lượng	ha	1.734,0	1.200,0	1.734,0	100,0%	1.734	144,5%	100,0%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
	- Đá xây dựng các loại	1000 m ³	7.150	11.000	7.200	100,7%	8.000	72,7%	111,1%
	- Gạch nung các loại	1000 viên	7.065	11.000	7.100	100,5%	8.000	72,7%	112,7%
	- Xi măng	Tấn							
	- Clinker	Tấn							
	- Điện sản xuất	Triệu Kwh							
	- ...								
C	GIA TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH XÂY DỰNG		1.429	688,0	1.593,0	111,5%	1.752	254,7%	110,0%
D	DỊCH VỤ								
	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá (giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.636	3.470,0	1.792,0	109,5%	2.000	57,6%	111,6%
	- Doanh thu ngành dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	360	370,0	393,0	109,2%	500	135,1%	127,2%
E	PHÁT TRIỂN HỘ KINH DOANH, HỢP TÁC XÃ								
	- Hộ kinh doanh								
	+ Số hộ kinh doanh đăng ký thành lập mới	Hộ	412	300,0	550,0	133,5%	600	200,0%	109,1%
	+ Tổng số vốn đăng ký thành lập mới	Tỷ đồng	124	40,0	132,0	106,5%	200	500,0%	151,5%
	+ Tổng số hộ kinh doanh trên địa bàn	Hộ	5.616	5.410,0	6.166,0	109,8%	6.766	125,1%	109,7%
	+ Tổng số vốn của hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn	Tỷ đồng	934	890,0	1.066,0	114,1%	1.266	142,2%	118,8%
	- HỢP TÁC XÃ								
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	25	28,0	29,0	116,0%	38	135,7%	131,0%
	Trong đó: thành lập mới	HTX	5	4,0	4,0	80,0%	9	225,0%	225,0%
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	5	4,0	4,0	80,0%	9	225,0%	225,0%
	Số hợp tác xã giải thể	HTX							
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	285	612,0	320,0	112,3%	500	81,7%	156,3%
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người	636	612,0	716,0	112,6%	1.000	163,4%	139,7%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
	<i>Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã</i>	Người	636	612,0	716,0	112,6%	1.000	163,4%	139,7%
II	Tổ hợp tác								
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	4	8,0	10,0	250,0%	15	187,5%	150,0%
	<i>Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực</i>	Tổ hợp tác		1,0				0,0%	
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	100	200,0	259,0	259,0%	375	187,5%	144,8%



Biểu số 3
CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
1	Dân số								
	- Dân số trung bình	Nghìn người	114,674	114,050	116,012	101,2%	117,350	102,9%	101,2%
	<i>Trong đó: Dân số nông thôn</i>	<i>Nghìn người</i>	<i>104,638</i>	<i>104,244</i>	<i>105,729</i>	<i>101,0%</i>	<i>106,950</i>	<i>102,6%</i>	<i>101,2%</i>
	<i>Dân số là dân tộc thiểu số</i>	<i>Nghìn người</i>	<i>20,985</i>	<i>24,711</i>	<i>21,404</i>	<i>102,0%</i>	<i>21,650</i>	<i>87,6%</i>	<i>101,1%</i>
	- Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/ 100 bé gái							
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi							
2	Lao động và việc làm								
	- Tổng số lao động đang làm việc	Ngh.người	71,50	76,17	73,48	102,8%	79,520	104,4%	108,2%
	- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	31	15	25	80,6%	50	333,3%	200,0%
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	35	37	40	114,3%	43	116,2%	107,5%
3	An sinh xã hội, bảo trợ xã hội								
	- Tổng số hộ trên địa bàn	Nghìn hộ	32,40	34,07	32,79	101,2%	33,0	96,9%	100,6%
	- Số hộ nghèo	Nghìn hộ	1,309	1,213	0,529	40,4%	0	0,0%	0,0%
	- Số hộ thoát khỏi đói nghèo trong năm	Nghìn hộ	0,427	0,407	0,780	182,7%	0,529	130,0%	67,8%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,05	1,68	2,41	59,5%	0	0,0%	0,0%
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%							
									
4	Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân								
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	84,0	84,20	84,5	100,6%	85,00	101,0%	100,6%
	- Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Ngh. người	4,52	5,21	4,80	106,3%	5,0	96,0%	104,1%
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	25	15	25	100,0%	27,5	183,3%	110,0%
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	4,7	4,4	5,2	110,6%	5,5	125,0%	105,8%
	- Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	87,5	95	100	114,3%	100	105,3%	100,0%
	- Tỷ lệ trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	80	95	100	125,0%	100	105,3%	100,0%
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	0,22	<8	0	63,6%	0		0,0%
	- Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	0,34	<13	0	52,9%	0		0,0%
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	9,88	<14	10	97,0%	<9,28		
	- Số xã, phường đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	xã, phường	16	16	16	100,0%	16	100,0%	100,0%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100	100	100,0%	100	100,0%	100,0%
5	Giáo dục và Đào tạo								
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	0	1	1		2	200,0%	200,0%
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh							
	+ Mẫu giáo	Học sinh	4.941	5.120	4.977	100,7%	4.750	92,8%	95,4%
	+ Tiểu học	Học sinh	11.771	11.950	11.700	99,4%	11.650	97,5%	99,6%
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	7.225	7.115	7.125	98,6%	7.435	104,5%	104,4%
	+ Trung học phổ thông	Học sinh							
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	83,00	87,00	87,50	105,4%	87,5	100,6%	100,0%
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%							
	+ Tiểu học	%	95,60	96,0	96,10	100,5%	96,20	100,2%	100,1%
	+ Trung học cơ sở	%	86,60	87,0	87,40	100,9%	87,50	100,6%	100,1%
	+ Trung học phổ thông	%							
6	Khoa học và Công nghệ								
	- Tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao	%	1	1,0	1			0,0%	0,0%
	- Số đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng.	Đề tài							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2019	Năm 2020			Dự kiến năm 2021		
				Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện cả năm so với thực hiện 2019 (%)	Mục tiêu	So với mục tiêu 2020 (%)	So với ước thực hiện 2020 (%)
	- Tỷ lệ đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng thành công.	%							
7	Văn hóa, thể dục, thể thao								
7.1	Hoạt động thể thao quần chúng								
	Số người tập luyện thường xuyên	Người	36.890	37.700	37.725	102,3%	38.000	100,8%	100,7%
									
7.2	Thể thao thành tích cao								
	Đào tạo VĐV năng khiếu ban đầu	VĐV	0	10					
									
7.3	Đời sống văn hóa, nghệ thuật.....								
	(Theo chỉ tiêu của ngành để bổ sung vào cho phù hợp với địa phương)								